

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HS-ST
Ngày 17- 03- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Từ Anh Tuấn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/HSST-QĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/HSST-QĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1989, tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Xã Q, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; có 02 em, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; có vợ tên Dương Thị N, sinh năm 1996; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 02/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Thập Anh T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

Luật sư Đồng Mây Hồng Trúng- Văn phòng luật sư Long Cường- Chi nhánh Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Đào Thị M, sinh 1974; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2020, Thập Anh T điều khiển xe mô tô biển số 85F1-297.65 chở Nguyễn Văn C từ tỉnh Ninh Thuận vào thành phố Dĩ An, để đi đám cưới. Khi cả hai đến nhà văn hóa phường T thuộc khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì C giả vờ mượn xe của ông T để đi công việc, T đồng ý và giao xe cho C. Sau đó C điều khiển xe đến quán cà phê X và liên lạc với đối tượng H bán chiếc xe này với giá 6.500.000 đồng và C đã tiêu xài cá nhân hết. T nhiều lần liên lạc với C nhưng không được nên đã đến Cơ quan Công an trình báo.

Ngày 02/11/2020, Nguyễn Văn C bị Công an phường B, thành phố T bắt giữ.

Tại Biên bản và kết luận của Hội đồng định giá tài sản thành phố D ngày 27/10/2020: xe mô tô biển số 85F1-297.65, nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ bạc đen, số khung RLHJF632XKZ103654, số máy JP63E2519650, trị giá 38.000.000 đồng.

Đối với 01 xe mô tô biển số 85F1-297.65, C đưa cho đối tượng H bán nên không thu hồi được.

Đối với H hiện chưa rõ lai lịch sẽ tiến hành xác minh, xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Thập Anh T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường số tiền 38.000.000 đồng giá trị xe mô tô biển số 85F1-297.65, chi phí tham gia tố tụng, thu nhập bị mất và thuê xe đi làm, tiền thu nhập bị mất và tiền thuê luật sư là 13.000.000 đồng.

Cáo trạng số 30/CT-VKS-DA ngày 06/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù;

Trước khi hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Ngày 05/7/2020, Nguyễn Văn C có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt xe mô tô biển số 85F1-297.65 của anh Thập Anh T trị giá 38.000.000 đồng, tại nhà văn hóa phường T thuộc khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Hành vi do Nguyễn Văn C thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 30/CT-VKS-DA ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Nguyễn Văn C là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Thập Anh T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường số tiền 38.000.000 đồng giá trị xe mô tô biển số 85F1-297.65, chi phí tham gia tố tụng, thu nhập bị mất và thuê xe đi làm, tiền thu nhập bị mất và tiền thuê luật sư là 13.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo C đồng ý bồi thường tổng số tiền 51.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xem xét những khoảng tiền bị hại yêu cầu bồi thường là hợp lý phù hợp những quy định của pháp luật và bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên, nên có căn cứ đề Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và vấn đề xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/11/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 467, 459 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa Án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho bị hại anh Thập Anh T, tổng số tiền 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày anh Thập Anh T có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho anh Thập Anh T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn C chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự.

4. Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- VKSND tp D (01);
- Công an tp D (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS tp D (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- UBND xã nơi bị cáo TT (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân